

Số: /BC-BDT

Ninh Thuận, ngày tháng 11 năm 2024

BÁO CÁO
Kết quả công tác cải cách hành chính năm 2024
và phương hướng, nhiệm vụ năm 2025

Thực hiện Công văn số 872/UBND-VXNV ngày 04/3/2022 của UBND tỉnh về việc thực hiện chế độ báo cáo cải cách hành chính định kỳ. Ban Dân tộc báo cáo kết quả công tác cải cách hành chính năm 2024 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2025 như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Về Kế hoạch cải cách hành chính

- Ngày 13/12/2023, Ban Dân tộc ban hành Kế hoạch số 1424/KH-BDT về cải cách hành chính năm 2024. Trong đó, Kế hoạch xác định 26 nhiệm vụ trọng tâm trên 07 nội dung cải cách hành chính phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị. Đến nay, Ban Dân tộc đã thực hiện 26/26 nhiệm vụ trọng tâm (đạt 100% Kế hoạch năm).

- Chi bộ ban hành Kế hoạch số 05-KH/CB ngày 25/01/2022 về thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về "đẩy mạnh công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh đến năm 2025" để lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện cơ quan triển khai thực hiện có hiệu quả công tác cải cách hành chính tại đơn vị.

2. Về tổ chức chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính

- Trưởng Ban trực tiếp phụ trách công tác cải cách hành chính; phân công Trưởng các phòng chuyên môn có trách nhiệm tham mưu thực hiện công tác cải cách hành chính của phòng được giao.

- Chỉ đạo các phòng tham gia vào quá trình thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính một cách toàn diện, sát với thực tế; duy trì các cuộc họp giao ban của Lãnh đạo Ban hàng tuần, tổ chức giao ban lãnh đạo Ban và các phòng. Qua đó đánh giá kịp thời tình hình thực hiện Kế hoạch công tác của các phòng, đơn vị và triển khai các chủ trương, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đảm bảo sự thông suốt trong chỉ đạo, điều hành.

- Ban Dân tộc đã ban hành Kế hoạch số 32/KH-BDT ngày 05/01/2024 về phát động phong trào thi đua cải cách hành chính năm 2024 đến toàn thể công chức đơn vị. Đề kịp thời biểu dương khen thưởng những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác cải cách hành chính, đồng thời thực hiện đạt hiệu quả cải cách hành chính năm 2024; tăng cường năng lực quản lý, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả trong giải quyết công việc thông qua việc ứng dụng các phần mềm quản lý, văn bản điện tử.

3. Công tác kiểm tra cải cách hành chính

- Xác định tầm quan trọng của công tác cải cách hành chính, Lãnh đạo Ban đã đưa nội dung kiểm tra là một trong những nhiệm vụ trọng tâm năm 2024, nhằm đánh giá kết quả triển khai công tác cải cách hành chính tại các phòng chuyên môn. Ban hành Kế hoạch số 43/KH-BDT ngày 10/01/2024 về kiểm tra việc chấp hành kỷ luật,

kỷ cương hành chính cơ quan năm 2024; Công văn số 02/BDT-VP ngày 05/01/2024 về việc tăng cường đẩy mạnh công tác thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính tại cơ quan; Kế hoạch số 226/KH-BDT ngày 29/02/2024 về kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2024; Quyết định số 14/QĐ-BDT ngày 01/3/2024 về việc thành lập Tổ triển khai các công việc liên quan đến công tác cải cách hành chính của Ban Dân tộc; Báo cáo số 265/BC-BDT ngày 11/3/2024 về Kết quả công tác cải cách hành chính Quý I và phương hướng, nhiệm vụ Quý II năm 2024; Kế hoạch số 276/KH-BDT ngày 14/3/2024 về Triển khai thực hiện Chỉ thị số 56-CT/TU ngày 29/01/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường kỷ luật, kỷ cương và trách nhiệm giải quyết công việc trong hệ thống chính trị tỉnh; Báo cáo số 701/BC-BDT ngày 10/6/2024 về Kết quả công tác cải cách hành chính 6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2024; Báo cáo số 718/BC-BDT ngày 13/6/2024 về Kết quả triển khai thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính 6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2024; Báo cáo số 873/BC-BDT ngày 15/7/2024 về Kết quả rà soát, đánh giá thủ tục hành chính trọng tâm năm 2024; Báo cáo số 1085/BC-BDT ngày 23/8/2024 về Kết quả thực hiện theo Thông báo số 253/TB-UBND ngày 12/8/2024 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh về kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh Trần Quốc Nam - Trưởng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính và nâng cao các chỉ số năng lực cạnh tranh tỉnh; Báo cáo số 1168/BC-BDT ngày 11/9/2024 về Kết quả công tác cải cách hành chính 9 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ 3 tháng cuối năm 2024; Báo cáo số 1296/BC-BDT ngày 04/10/2024 về Kết quả triển khai thực hiện công tác kỷ luật, kỷ cương hành chính tại cơ quan năm 2024.

- Ban Dân tộc thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính và nêu cao tinh thần trách nhiệm của người đứng đầu, đảng viên, công chức trong thực hiện nhiệm vụ. Kết quả trong năm 2024, đơn vị không có công chức vi phạm kỷ luật, kỷ cương hành chính và đạo đức công vụ; Tập trung giải quyết các nhiệm vụ được UBND tỉnh giao đúng quy định, không có văn bản nhắc nhở trễ hạn.

4. Công tác tuyên truyền cải cách hành chính

Ban hành Kế hoạch số 96/KH-BDT ngày 22/01/2024 về tuyên truyền cải cách hành chính năm 2024. Lãnh đạo Ban tổ chức quán triệt, tuyên truyền công tác cải cách hành chính đến đội ngũ công chức thông qua các văn bản chỉ đạo của tỉnh, các buổi sinh hoạt hàng tháng.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Cải cách thể chế

- Tổ chức Hội nghị cán bộ, công chức năm 2024. 100% cán bộ, công chức ký cam kết chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính năm 2024 theo Cam kết số 26/CK-BDT ngày 05/01/2024.

- Ban hành Kế hoạch số 78/KH-BDT ngày 18/01/2024 về kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật của Ban Dân tộc năm 2024; Kế hoạch số 45/KH-BDT ngày 10/01/2024 về rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật của Ban Dân tộc năm 2024; Kế hoạch số 85/KH-BDT ngày 18/01/2024 về theo dõi, thi hành pháp luật năm 2024 của Ban Dân tộc; Kế hoạch số 86/KH-BDT ngày 18/01/2024 về triển khai công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm 2024 của Ban Dân tộc; Kế hoạch số 195/KH-BDT ngày 20/02/2024 về kiểm soát xung đột lợi ích năm 2024; Báo cáo số 50/BC-BDT ngày 12/01/2024 về kết quả rà soát hệ thống hoá văn bản QPPL

trong kỳ 2019-2023 lĩnh vực công tác dân tộc; Báo cáo số 51/BC-BDT ngày 12/01/2024 về kết quả rà soát hệ thống hoá văn bản QPPL năm 2023 lĩnh vực công tác dân tộc; Công văn số 384/BDT-VP ngày 05/4/2024 về rà soát văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến giao dịch điện tử; Công văn số 686/BDT-VP ngày 07/6/2024 về xử lý kết quả tình hình theo dõi thi hành pháp luật năm 2023.

- Chấp hành các văn bản chỉ đạo, điều hành của cấp trên:

Năm 2024, Ban Dân tộc được UBND tỉnh giao 12 nhiệm vụ trọng tâm (trong đó: 11 nhiệm vụ giao theo Quyết định số 36/QĐ-UBND ngày 12/01/2024, ngoài ra Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh giao thêm 01 nhiệm vụ theo Quyết định số 124/QĐ-BCĐCTMTQG ngày 29/01/2024). Đến thời điểm báo cáo, Ban Dân tộc đã hoàn thành 09/12 nhiệm vụ, đạt 75% (*03 nhiệm vụ còn lại giao trong quý IV dự kiến sẽ hoàn thành đúng thời gian quy định*). Đồng thời, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước trung hạn và hàng năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận và một số nhiệm vụ phát sinh khác được UBND tỉnh giao, cụ thể: đã tham mưu UBND tỉnh kịp thời ban hành 05 Quyết định¹, 05 Kế hoạch², 04 Công văn³ hướng dẫn chỉ đạo

¹ Quyết định số 13/2024/QĐ-UBND ngày 28/02/2024 bãi bỏ các Quyết định số 34/2022/QĐ-UBND ngày 06/7/2022 và Quyết định số 47/2023/QĐ-UBND ngày 07/8/2023 của UBND tỉnh Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Quyết định số 58/QĐ-UBND ngày 16/01/2024 về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được thay thế lĩnh vực lựa chọn, công nhận người có uy tín và chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện; Quyết định 161/QĐ-UBND ngày 07/02/2024 về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Công tác dân tộc thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Quyết định số 62/2024/QĐ-UBND ngày 19/7/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sửa đổi Khoản 10, Điều 2 của Quyết định số 05/2022/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Dân tộc tỉnh Ninh Thuận; Quyết định số 998/QĐ-UBND ngày 19/8/2024 Về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ban Dân tộc tỉnh.

² Kế hoạch số 671/KH-UBND ngày 20/02/2024 về việc kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2024 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Kế hoạch số 828/KH-UBND ngày 26/02/2024 về truyền thông Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận năm 2024; Kế hoạch số 825/KH-UBND ngày 26/02/2024 triển khai thực hiện Đề án “Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng dân tộc thiểu số” trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận năm 2024; Kế hoạch số 1105/KH-UBND ngày 13/3/2024 về triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận năm 2024; Kế hoạch số 1390/KH-UBND, ngày 29/3/2024 về Tổ chức Hội nghị biểu dương, tôn vinh các điển hình tiên tiến trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Ninh Thuận lần thứ nhất năm 2024.

³ Công văn số 554/UBND-VXNV ngày 05/02/2024 triển khai thực hiện Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg và Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; Công văn hướng dẫn triển khai thực hiện các Nghị quyết của HĐND tỉnh: số 04/2022/NQ-HĐND ngày 30/6/2022, số 20/2023/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 và số 38/2023/NQ-HĐND ngày 12/12/2023; Công văn số 3269/UBND-VXNV ngày 19/7/2024 về việc triển khai thực hiện chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số.

các Sở, ngành, địa phương triển khai thực hiện công tác dân tộc và chính sách dân tộc trên địa bàn tỉnh; các văn bản hướng dẫn triển khai Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số tỉnh Ninh Thuận lần thứ IV năm 2024⁴ và tham mưu UBND tỉnh tổ chức Hội nghị biểu dương, tôn vinh các điển hình tiên tiến trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Ninh Thuận lần thứ nhất năm 2024.

Ban Dân tộc tham mưu UBND tỉnh trình Ban cán sự đảng UBND tỉnh trình Tỉnh ủy tổ chức Hội nghị sơ kết 03 năm thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TU ngày 25/01/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIV.

Ban Dân tộc chủ động phối hợp với các Sở, ngành và địa phương rà soát, tổng hợp nguồn kinh phí (*điều chuyển nguồn kinh phí sự nghiệp năm 2022, năm 2023 đã được chuyển nguồn sang năm 2024 và kinh phí năm 2024 không đủ điều kiện giải ngân chuyển sang các nội dung khác để thực hiện; dự kiến phương án phân bổ vốn năm 2025*) và đã tham UBND tỉnh trình HĐND điều chuyển nguồn vốn của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo Nghị quyết số 111/2024/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.

Ngoài 12 nhiệm vụ được giao tại Quyết định trên, Ủy ban nhân dân tỉnh giao bổ sung thêm cho đơn vị 68/68 nhiệm vụ (*theo phần mềm chỉ đạo, điều hành của tỉnh*) và đến nay đã hoàn thành 64/68 nhiệm vụ đạt 94% (*các nhiệm vụ còn lại dự kiến sẽ hoàn thành đúng thời gian quy định*)

- Thông báo Lịch tiếp công dân của Lãnh đạo Ban Dân tộc hàng tháng theo đúng quy định; Phân công Lãnh đạo, công chức tiếp công dân thường xuyên, định kỳ theo quy định. Thực hiện tốt các quy chế về tiếp công dân, giải quyết kịp thời đơn thư, khiếu nại, tố cáo của đồng bào dân tộc thiểu số trong tỉnh liên quan đến lĩnh vực công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc, phát huy dân chủ cơ sở. Phối hợp với các Sở, ngành giải quyết công việc liên quan đến vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Kết quả trong năm 2024 Ban Dân tộc không có công dân đến khiếu nại, tố cáo; không tiếp nhận, giải quyết các đơn phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo.

2. Cải cách thủ tục hành chính

- Ban hành Quyết định số 02/QĐ-BDT ngày 05/01/2024 về Kế hoạch hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính năm 2024; Kế hoạch số 13/KH-BDT ngày 03/01/2024 về rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2024; Báo cáo số 334/BC-BDT ngày 26/3/2024 về Kết quả rà soát, xử lý các vướng mắc, bất cập về thủ tục hành chính; Báo cáo số 275/BC-BDT ngày 13/3/2024 về Kết quả thực hiện việc kiểm soát thủ tục hành

số trên địa bàn tỉnh; công văn số 3559/UBND-VXNV ngày 05/8/2024 về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 09/2024/NQHĐND ngày 11/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

⁴Quyết định số 1337/QĐ-UBND ngày 09/10/2023 của UBND tỉnh về việc thành lập Ban Chỉ đạo Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số tỉnh Ninh Thuận lần thứ IV năm 2024; Kế hoạch số 4302/KH-BCĐ ngày 16/10/2023 của Ban Chỉ đạo về Tổ chức Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số tỉnh Ninh Thuận lần thứ IV năm 2024; Hướng dẫn số 4353/HD-BCĐ ngày 18/10/2023, về Tổ chức Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số cấp huyện, cấp tỉnh lần thứ IV, năm 2024; Quyết định số 1368/QĐ-BCĐ ngày 13/10/2024 của Ban Chỉ đạo về việc Phân công nhiệm vụ các thành viên Ban Chỉ đạo Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số tỉnh Ninh Thuận lần thứ IV năm 2024; Quyết định số 1356/QĐ-BCĐ ngày 11/10/2023 của Ban Chỉ đạo về việc thành lập Ban Tổ chức Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số tỉnh Ninh Thuận lần thứ IV năm 2024; Kế hoạch số 4106/KH-BCĐ ngày 01/4/2024 của Ban Chỉ đạo Kế hoạch Tuyên truyền Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số cấp huyện, cấp tỉnh lần thứ IV năm 2024.

chính Quý I năm 2024; Báo cáo số 7227/BC-BDT ngày 14/6/2024 về Kết quả thực hiện việc kiểm soát thủ tục hành chính Quý II năm 2024; Báo cáo số 798/BC-BDT ngày 28/6/2024 về kết quả triển khai thực hiện đầy mạnh số hóa dữ liệu, ứng dụng dữ liệu để cắt, giảm TTHC; Báo cáo số 873/BC-BDT ngày 15/7/2024 về Kết quả rà soát, đánh giá thủ tục hành chính trọng tâm năm 2024; Báo cáo số 1201/BC-BDT ngày 17/9/2024 về Kết quả thực hiện việc kiểm soát thủ tục hành chính Quý III năm 2024.

- Thủ tục hành chính lĩnh vực công tác dân tộc thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh: 02 thủ tục, gồm: Công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số và Đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số⁵; Ban Dân tộc chỉ thực hiện bước thẩm định hồ sơ và gửi kết quả về Ủy ban nhân dân cấp huyện để ra Quyết định.

- Thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính Nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ban Dân tộc: 03 thủ tục, gồm: (1) Theo dõi Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số; (2) thủ tục Kiểm tra Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số; (3) Đánh giá Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số⁶.

- Các thủ tục hành chính đã được thực hiện rà soát và đơn giản hoá theo Quyết định số 02/QĐ-BDT ngày 05/01/2024 về ban hành Kế hoạch hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính năm 2024; Kế hoạch số 13/KH-BDT ngày 03/01/2024 về rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2024. Thực hiện niêm yết công khai đầy đủ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết tại cơ quan và Trang thông tin điện tử cơ quan. Trong năm 2024, không có phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức liên quan đến quy định thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Dân tộc.

3. Cải cách tổ chức bộ máy

- Ngay từ đầu năm căn cứ vào nhiệm vụ được giao các Phòng tổ chức hợp rà soát phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng cán bộ, công chức Phòng đảm bảo theo năng lực, Đề án vị trí việc làm; Lãnh đạo Ban thực hiện theo Quyết định số 87/QĐ-BDT ngày 19/12/2023 về phân công nhiệm vụ của lãnh đạo Ban Dân tộc.

- Tổ chức rà soát đưa ra khỏi quy hoạch chức danh Trưởng phòng theo Quyết định số 09/QĐ-BDT ngày 26/02/2024 về việc đưa ra khỏi quy hoạch chức danh Trưởng phòng thuộc Ban Dân tộc nhiệm kỳ 2020-2025, 2021-2026 và nhiệm kỳ 2025-2030, 2026-2031; Phê duyệt quy hoạch Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng theo Quyết định số 10/QĐ-BDT ngày 26/02/2024 về phê duyệt quy hoạch Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng thuộc Ban Dân tộc nhiệm kỳ 2020-2025, 2021-2026 và nhiệm kỳ 2025-2030, 2026-2031; Bổ nhiệm 02 công chức giữ chức vụ Phó Trưởng phòng Kế hoạch –

⁵ Quyết định số 58/QĐ-UBND ngày 16/01/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được thay thế lĩnh vực lựa chọn, công nhận người có uy tín và chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện; Quyết định số 161/QĐ-UBND ngày 07/02/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Công tác dân tộc thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

⁶ Quyết định số 998/QĐ-UBND ngày 19/8/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ban Dân tộc tỉnh

Chính sách theo Quyết định số 56/QĐ-BDT ngày 06/8/2024 và Quyết định số 70/QĐ-BDT ngày 29/10/2024 của Ban Dân tộc tỉnh; Kế hoạch số 640/KH-BDT ngày 30/5/2024 về Chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức Ban Dân tộc năm 2024; Tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định bãi bỏ Quyết định số 101/2017/QĐ-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Quy định điều kiện, tiêu chuẩn chức danh Trưởng, Phó Trưởng các phòng thuộc Ban Dân tộc và Phòng Dân tộc các huyện trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Cử 01 công chức đi học lớp Trung cấp lý luận chính trị.

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 62/QĐ-UBND ngày 19/7/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Sửa đổi Khoản 10, Điều 2 của Quyết định số 05/2022/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Dân tộc tỉnh Ninh Thuận.

- Việc chấp hành nội quy, quy chế làm việc của cơ quan tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 14/QĐ-BDT ngày 21/02/2023 về việc ban hành Quy chế làm việc của Ban Dân tộc.

4. Cải cách chế độ công vụ

- Tiếp tục thực hiện Quyết định số 18/QĐ-BDT ngày 06/9/2023 về việc ban hành Quy chế văn hóa công vụ của công chức và người lao động Ban Dân tộc Ninh Thuận.

- Ban Dân tộc tổ chức nghiêm túc triển khai thực hiện các nội dung phần mềm đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức theo yêu cầu của UBND tỉnh. Việc đánh giá, phân loại công chức được thực hiện đúng theo quy định tại Quyết định số 81/2023/QĐ-UBND ngày 08/11/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức thuộc tỉnh Ninh Thuận; từng công chức tự nhận xét đánh giá bản thân và thực hiện đánh giá chéo giữa công chức với công chức, giữa lãnh đạo phòng chuyên môn với công chức và ngược lại. Sau đó, Lãnh đạo Ban tổ chức đánh giá đối với toàn thể công chức các phòng chuyên môn và kết thúc việc đánh giá vào ngày 16 hàng tháng và quý theo quy định. Quá trình thực hiện đánh giá công chức đảm bảo khách quan, dân chủ, công khai, minh bạch, không có thắc mắc xảy ra.

5. Cải cách tài chính công

- Thực hiện Nghị định số 04/2015/NĐ-CP của Chính phủ, Ban Dân tộc ban hành Quyết định số 95/QĐ-BDT ngày 29/12/2023 ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của Ban Dân tộc tỉnh Ninh Thuận.

- Tiếp tục thực hiện Quyết định số 15/QĐ-BDT ngày 21/02/2023 ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản của Ban Dân tộc tỉnh Ninh Thuận; Quyết định số 19/QĐ-BDT ngày 22/02/2023 ban hành Quy chế nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức Ban Dân tộc; các chính sách về nâng lương thường xuyên, trước hạn và các chế độ theo lương đúng quy định; Thực hiện tốt công tác kiểm soát tài sản, thu nhập trong kỳ; Tình hình công khai thu - chi tài chính đúng theo quy định của pháp

luật⁷.

- Thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở, tăng cường tính minh bạch và quyền giám sát của mỗi công chức; theo dõi, quản lý chặt chẽ việc sử dụng và tiết kiệm tối đa kinh phí được cấp hằng năm và tài sản của cơ quan.

6. Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số

a) Tình hình triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan:

- Để triển khai thực hiện có hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan. Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 15-KH/CB ngày 18/4/2022 của Chi bộ Ban Dân tộc về thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU, ngày 29/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030; Kế hoạch số 403/KH-BDT ngày 09/6/2021 về triển khai Chương trình Chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 05-NQ/CB ngày 02/4/2024 về thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số năm 2024; Quyết định số 17/QĐ-BDT ngày 29/3/2024 về thành lập Ban Chỉ đạo chuyển đổi số của Ban Dân tộc; Quyết định số 18/QĐ-BDT ngày 29/3/2024 về ban hành quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số của Ban Dân tộc; Kế hoạch số 351/KH-BDT ngày 29/3/2024 về Chuyển đổi số năm 2024 của Ban Dân tộc; Báo cáo số 483/BC-BDT ngày 25/04/2024 về Kết quả triển khai thực hiện chuyển đổi số theo Thông báo số 05-TB/BCĐCĐS của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh tại Ban Dân tộc; Báo cáo số 726/BC-BDT ngày 14/6/2024 về Kết quả triển khai ISO năm 2024 và dự toán kinh phí thực hiện ISO năm 2025 của Ban Dân tộc; Báo cáo số 691/BC-BDT ngày 07/6/2024 về Kết quả triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số 6 tháng đầu năm và phương hướng,

⁷ Quyết định số 03/QĐ-BDT ngày 08/01/2024 về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2024; Quyết định số 11/QĐ-BDT ngày 28/02/2024 về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2023 của Ban Dân tộc; Quyết định số 15/QĐ-BDT ngày 18/3/2024 về việc công bố công khai dự toán vốn đầu tư phát triển năm 2024 của Ban Dân tộc; Quyết định số 16/QĐ-BDT ngày 21/3/2024 về việc công bố công khai bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2024 của Ban Dân tộc; Quyết định số 19/QĐ-BDT ngày 01/4/2024 về việc công bố công khai dự toán ngân sách Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024 của Ban Dân tộc; Quyết định số 20/QĐ-BDT ngày 01/4/2024 về việc công bố công khai dự toán ngân sách Quý I năm 2024 của Ban Dân tộc; Công văn số 361/BDT-VP ngày 02/4/2024 về báo cáo tình hình thực hiện công khai dự toán thu - chi ngân sách quý I năm 2024; Quyết định số 39/QĐ-BDT ngày 18/6/2024 về việc công bố công khai số liệu bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2024 của Ban Dân tộc; Quyết định số 53/QĐ-BDT ngày 02/8/2024 về việc điều chỉnh kinh phí sự nghiệp Chương trình MTQG phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi năm 2024 cho Ban Dân tộc tỉnh Ninh Thuận; Quyết định số 54/QĐ-BDT ngày 02/8/2024 về việc công bố công khai điều chỉnh dự toán chi ngân sách năm 2024 của Ban Dân tộc; Công văn số 830/BDT-VP về báo cáo tình hình thực hiện công khai dự toán thu - chi ngân sách quý II năm 2024; Công văn số 831/BDT-VP về công khai tình hình thực hiện công khai dự toán thu - chi ngân sách quý II năm 2024; Công văn số 832/BDT-VP về công khai tình hình thực hiện công khai dự toán thu - chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2024; Báo cáo số 833/BC-BDT ngày 05/7/2024 về tình hình thực hiện công khai dự toán ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm 2024; Quyết định số 54/QĐ-BDT ngày 02/8/2024 về việc công bố công khai điều chỉnh dự toán chi ngân sách năm 2024 của Ban Dân tộc; Quyết định số 64/QĐ-BDT ngày 24/9/2024 về việc công bố công khai bổ sung dự toán vốn đầu tư phát triển năm 2024; Công văn số 1284/BDT-VP ngày 02/10/2024 về công khai tình hình thực hiện công khai dự toán thu - chi ngân sách quý II năm 2024; Quyết định số 69/QĐ-BDT ngày 18/10/2024 về việc công bố công khai bổ sung, dự toán; Quyết định số 71/QĐ-BDT ngày 31/10/2024 về việc công bố công khai bổ sung dự toán vốn đầu tư phát triển năm 2024.

nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2024; Kế hoạch số 868/KH-BDT ngày 15/7/2024 về triển khai các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của Ban Dân tộc năm 2024; Kế hoạch số 1163/KH-BDT ngày 10/9/2024 của Ban Dân tộc về việc Truyền thông hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia 10/10; Báo cáo số 1236/BC-BDT ngày 24/9/2024 của Ban Dân tộc về Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số 9 tháng đầu năm 2024 của Ban Dân tộc. Triển khai thực hiện, nâng cấp phát triển hạ tầng kỹ thuật. Duy trì tốt Trang thông tin điện tử, phần mềm quản lý văn bản, phần mềm đánh giá cán bộ, công chức tại cơ quan, phần mềm Hệ thống thông tin dữ liệu về công tác dân tộc tỉnh Ninh Thuận. Ban Dân tộc đã triển khai thực hiện, nâng cấp phát triển hạ tầng kỹ thuật. Duy trì tốt Trang thông tin điện tử, phần mềm quản lý văn bản, phần mềm đánh giá cán bộ, công chức tại cơ quan, phần mềm Hệ thống thông tin dữ liệu về công tác dân tộc tỉnh Ninh Thuận.

- Lãnh đạo Ban đã triển khai thông tin tuyên truyền phản ánh hiện trường phục vụ phát triển đô thị thông minh tỉnh Ninh Thuận. Cung cấp thông tin đầu mỗi lãnh đạo, công chức theo dõi, tiếp nhận xử lý phản ánh hiện trường thuộc phạm vi quản lý của đơn vị. Kịp thời trả lời phản ánh của người, doanh nghiệp khi có yêu cầu.

b) Việc xây dựng, duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại cơ quan:

Ban hành Kế hoạch số 1429/KH-BDT ngày 13/12/2023 về triển khai áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001: 2015 năm 2024; Mục tiêu chất lượng, chính sách chất lượng ban hành ngày 08/01/2024; Quyết định số 13/QĐ-BDT ngày 29/02/2024 về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo ISO và Tổ giúp việc ISO thực hiện hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015; Báo cáo số 726/BC-BDT ngày 14/6/2024 về Kết quả triển khai ISO năm 2024 và dự toán kinh phí thực hiện ISO năm 2025 của Ban Dân tộc; Báo cáo số 1183/BC-BDT ngày 13/9/2024 về Kết quả khảo sát mức độ hài lòng của Tổ chức, cá nhân đối với việc cung cấp dịch vụ công, thực thi công vụ của công chức thuộc Ban Dân tộc. Tổng số phiếu thu về 32/40 phiếu (đạt 80%), các tổ chức, cá nhân đánh giá sự hài lòng trong việc cung cấp dịch vụ công, thực thi công vụ của công chức thuộc Ban Dân tộc chiếm trên 99%.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Trong năm 2024, Ban Dân tộc đã hoàn thành công việc nhiệm vụ cải cách hành chính theo kế hoạch đề ra; kịp thời tuyên truyền đến toàn thể công chức các văn bản về cải cách thủ tục hành chính; thực hiện tốt công tác cải cách thể chế, cải cách thủ tục hành chính; giải quyết kịp thời các thủ tục hành chính cho tổ chức và cá nhân; tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động chuyên môn; duy trì và nâng cao chất lượng hoạt động Trang thông tin điện tử của Ban.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2025

1. Tiếp tục quán triệt, tuyên truyền phổ biến kịp thời đến công chức, viên chức các văn bản của Trung ương, của tỉnh có liên quan đến cải cách hành chính.

2. Tiếp tục thực hiện nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công chức của đơn vị; quan tâm tạo điều kiện để cán bộ công chức tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng tập

huấn.

3. Duy trì thực hiện tốt quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan thực hiện dân chủ công khai, minh bạch tài chính công trong các đợt sinh hoạt định kỳ góp phần thực hành tiết kiệm chống lãng phí, trong chỉ tiêu hành chính của đơn vị.

4. Tiếp tục triển khai thực hiện tốt quy trình quản lý chất lượng ISO 9001 trong thực hiện giải quyết công việc cũng như trong công tác cải cách hành chính tại cơ quan. Duy trì tốt Trang thông tin điện tử, phần mềm quản lý văn bản, phần mềm đánh giá cán bộ, công chức tại cơ quan, thực hiện chính quyền điện tử, chính quyền số.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2024 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2025, Ban Dân tộc gửi Sở Nội vụ tổng hợp./.

(Kèm theo các Phụ lục kết quả chi tiết)

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;
- Lãnh đạo Ban;
- Lưu: VT, VP.

TRƯỞNG BAN

Pi Năng Thị Thủy

PHỤ LỤC THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH ĐỊNH KỲ
(Ban hành kèm theo Báo cáo số /BC-BDT ngày tháng 11 năm 2024 của Ban Dân tộc)

PHỤ LỤC 1 - CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CCHC

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, 9 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành (Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)	Văn bản	49	
2.	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm (Lũy kế đến thời điểm báo cáo)	%	100	
2.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	26	
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	26	
3.	Kiểm tra CCHC		0	
3.1.	Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
3.2.	Số UBND cấp huyện đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
3.3.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%		
3.3.1.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề		
3.3.2.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, 9 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
4.	Thanh tra việc thực hiện quy định pháp luật về tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức, viên chức và tổ chức bộ máy (thuộc thẩm quyền của Sở Nội vụ)		0	
4.1.	Số cơ quan, đơn vị được thanh tra	%		
4.2.	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đã hoàn thành việc thực hiện kết luận thanh tra	%		
5.	Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao		0	
5.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ		
5.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ		
5.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ		
5.4.	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ		
6.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Có = 1; Không = 0		
6.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng		
6.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2		
7.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	1	Phối hợp

PHỤ LỤC 2 - CẢI CÁCH THẺ CHẾ

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, 9 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tổng số VBQPPL do địa phương ban hành	Văn bản	03	
1.1.	Số VBQPPL do cấp tỉnh ban hành	Văn bản	03	
1.2.	Số VBQPPL do cấp huyện ban hành	Văn bản		
1.3.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản		
2.	Kiểm tra, xử lý VBQPPL			
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản		
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%		
2.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản		
2.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản		
3.	Rà soát VBQPPL			
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản		
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%		
3.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản		
3.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản		

PHỤ LỤC 3 - CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, 9 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Thống kê TTHC nội bộ		02	
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục		
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục		
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục		
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục	02	
1.4.1.	<i>Số TTHC cấp tỉnh (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>		
1.4.2.	<i>Số TTHC cấp huyện (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>		
1.4.3.	<i>Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>		
2.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục		
2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục		
2.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục		
3.	Kết quả giải quyết TTHC nội bộ			
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC nội bộ do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	100	
3.1.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>		
3.1.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>		
3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, 9 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.2.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ		
3.2.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ		
3.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		
3.3.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ		
3.3.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ		
3.4.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	0	
3.4.1.	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	0	
3.4.2.	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN	0	

PHỤ LỤC 4 - CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, 9 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			
1.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	
1.2.	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%		
1.3.	Số lượng các ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Ban		
1.4.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Tổ chức		
1.5.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) tại địa phương	Cơ quan, đơn vị		
1.5.1.	<i>Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh</i>	<i>Cơ quan, đơn vị</i>		
1.5.2.	<i>Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương</i>	<i>Cơ quan, đơn vị</i>		
1.5.3.	<i>Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện</i>	<i>Cơ quan, đơn vị</i>		
1.5.4.	<i>Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015</i>	%		
2.	Số liệu về biên chế công chức			
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	15	
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	13	
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người	3	
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	12,5	
3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người		
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người		
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%		

PHỤ LỤC 5 - CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, 9 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức		1	
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	1	
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị		
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị		
2.	Tuyển dụng công chức, viên chức		0	
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người		
2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người		
2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người		
2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người		
2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người		
3.	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)	Người	0	
4.	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).		0	
4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người		
4.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người		
4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người		
4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người		

PHỤ LỤC 6 - CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, 9 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%	100%	
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	1.595.600.000	
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	1.595.600.000	
2.	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương (lũy kế đến thời điểm báo cáo)			Sở Tài chính phụ trách
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị		
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị		
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4.1.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>		
2.4.2.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>		
2.4.3.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>		
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị		
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị		

PHỤ LỤC 7 - XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, 9 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	
2.	Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND các huyện.</i> <i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND cấp huyện, cấp xã.</i>	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2		Đang chờ UBND tỉnh triển khai thực hiện chính thức
3.	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%	100	
4.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	1	
5.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
5.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
5.1.1.	<i>Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh</i>	%		
5.1.2.	<i>Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh</i>	%		
5.1.3.	<i>Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.</i>	%		
5.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương (<i>Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử</i>).	%		
5.2.1.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh</i>	%	95	(Trừ các văn bản

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, 9 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
				dưới dạng MẬT)
5.2.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện	%		
5.2.3.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã	%		
5.3.	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
5.3.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		
5.3.2.	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		
5.3.3.	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		
6.	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến			
6.4.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%		
6.4.1.	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục		
6.4.2.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục		
6.4.3.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục		
6.5.	Tỷ lệ TTHC nội bộ đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	%	100	
6.5.1.	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	02	
6.5.2.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	02	
6.5.3.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục		
6.6.	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	%	100	
6.6.1.	Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 của địa phương	Thủ tục	02	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, 9 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
6.6.2.	Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	02	
6.7.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)	%		
6.7.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)	Hồ sơ	07	
6.7.2.	Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến	Hồ sơ		
6.8.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%		
6.8.1.	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)	Thủ tục		
6.8.2.	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.	Thủ tục		
